

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2018

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lại Hồng Duy.
- ***Các hội thẩm nhân dân:*** Bà Lê Thị Thu Hoài và bà Hoàng Thị Thanh.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXX-HNGĐST ngày 02 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST – HNGĐ, ngày 31/5/2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970, có mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Lương Tấn L, sinh năm 1969, vắng mặt.

Đồng cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Theo đơn khởi kiện ngày 25/1/2018 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:** Bà Nguyễn Thị H và ông Lương Tấn L xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và được gia đình hai bên và họ hàng ủng hộ. Ông L và bà H không đăng ký kết hôn, chung sống với nhau từ năm 1991. Ông L và bà H có 03 con chung, cháu Lương Tấn Công (đã chết năm 2011); cháu Lương Tấn L1 – sinh ngày 24/08/2003; cháu Lương Nguyên Thủy – sinh năm 24/08/1998; cháu L1 học lớp 9, trường cấp II Quang Trung xã Thuận An, huyện

Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông; cháu T hiện đang đi làm công nhân tại nước Malaysia, cháu T tự lo được cuộc sống riêng.

Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, tài sản riêng không có và không vay mượn tài sản.

Mâu thuẫn: Trước năm 2017, ông L lấy tiền trong gia đình đi chơi bài bạc, hay đánh đập và đuổi bà H ra khỏi nhà. Đầu năm 2017, ông L có tình cảm với người phụ nữ khác (việc ông L có người phụ nữ khác thì không có chứng cứ, nghe dân trong thôn và xã nói rất nhiều), dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, không thể hòa giải được. Trước đây, ông L thường xuyên đánh đập và bài bạc, bà H bỏ qua cho ông L vì con cái nhưng gần đây ông L có người phụ nữ khác nên không chấp nhận được. Mặc dù đã được gia đình hai bên, bạn bè khuyên bảo nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa giải được và không có tiếng nói chung. Bà H và ông L đã sống ly thân từ đầu 2017 cho đến nay.

Nay bà H yêu cầu giải quyết: xin ly hôn với ông Lương Tấn L và có nguyện vọng được nuôi cháu cháu Lương Tấn L1, cháu Lục có nguyện vọng ở với bà H hoặc ông L thì tùy cháu quyết định. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, tài sản riêng và công nợ không có.

***/ Bị đơn ông Lương Tấn L:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt trực tiếp và đã kết hợp với ban quản lý thôn, chính quyền xã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Lương Tấn L nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Ông L không hợp tác để giải quyết vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, đồng thời ông L không đưa ra được quan điểm và chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích, đồng thời phản bác lại quan điểm của nguyên đơn

***/ Lời khai của cháu Lương Tấn L1 – sinh ngày 24/8/2003:** Bố mẹ cháu thường xuyên cãi nhau và xung đột trong gia đình, trước đây bố mẹ cháu hay cãi nhau nhưng gần nửa năm gần đây thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình và ngày nào cũng vậy. Bố có đánh mẹ không thì cháu không biết nhưng cãi nhau xong bố cháu có hù dọa đánh mẹ cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, vì mẹ chăm sóc và quan tâm cháu nhiều hơn.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật, không tôn trọng và thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Về nội dung vụ án chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông L, giao cháu Lương Tấn L1 cho bà H được quyền nuôi dưỡng. Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp “xin ly hôn” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn Lương Tấn L, bị đơn là ông Lương Tấn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt trực tiếp, kết hợp với ban quản lý thôn và chính quyền xã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông L. Tuy nhiên, ông L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông L là đúng quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa: Ông L đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, ông L phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] Về hôn nhân: Bà H và ông L xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Nhưng không đăng ký kết hôn, ông L và bà H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1991, hôn nhân của ông L và bà H được gia đình hai bên và họ hàng ủng hộ.

[5] Về mâu thuẫn: Bà H cho rằng hai vợ chồng có cách nghĩ và quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Bà H nghi ngờ ông L có người phụ nữ khác, không chung thủy, ông L thường xuyên đánh bài. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn thương yêu, không quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ, ngoài ra ông L có hành vi bạo lực gia đình. Hai người đã sống ly thân đầu năm 2017 cho đến nay. Cháu Lương Tấn L1 (con ông L và bà H) khăng định giữa ông L và H thường xuyên cãi nhau và xung đột trong gia đình, trước đây bố mẹ cháu hay cãi nhau nhưng gần nửa năm gần đây thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình và ngày nào cũng vậy.

[6] Qua xác minh ban quản lý thôn Đức An và Công an xã Thuận An: Ông L và bà H nghi ngờ lẫn nhau có người thứ ba nên ghen tuông qua lại và phát sinh mâu thuẫn, ông L hay đi đánh bài bạc. Ông L có hành vi bạo lực gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông L và H là có thật.

[7] Tuy nhiên, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lương Tấn L không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật hôn nhân gia đình. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Quan hệ hôn nhân và gia đình được*

xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết". Khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “*Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*”. Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 quy định “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông L là không hợp pháp, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lương Tấn L là quan hệ vợ chồng.

[8] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Cần áp dụng các Điều 80, 81, 82, 83 , 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết về con chung, cấp dưỡng là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, ông L vắng mặt nên không đưa chứng cứ cũng như không thể hiện quan điểm về việc quyền được nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H có nguyện vọng được nuôi cháu Lương Tấn L1 – sinh ngày 24/8/2003, điều này thể hiện trách nhiệm của người mẹ đối với con, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lương Tấn L1 có nguyện vọng được ở với bà H, tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu L1 cho bà H được quyền nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[9] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

[10] Về công nợ: không có

[11] Về án phí: căn cứ Điều 144, 147; áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[12] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 131, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lương Tấn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Tấn L1 – sinh ngày 24/8/2003 cho bà Nguyễn Thị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông L được quyền đi lại, thăm nom con chung, bà H không được cản trở hoặc gây trở ngại đến quyền đi lại, thăm nom con chung.

3. Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; 107; 110; 116 của Luật HNGĐ 2014.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0000821, ngày 02/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện ĐắkMil;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại H Duy

